

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà**
- Mã chứng khoán: TBC
- Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
- Điện thoại liên hệ: 0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167
- E-mail: thacbahpc@thacba.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 3 năm 2024 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2024 đính kèm giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/10/2024 tại đường dẫn <http://thacba.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng P5;
- Lưu: VT, TK.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quyền

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 3 năm 2024 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2024 đính kèm giải trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 2278/BC - TĐTĐ - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 - NĂM 2024

Yên Bái, ngày 29 tháng 10 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/09/2024 | 01/01/2024 |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 366.754.175.510 | 348.296.266.106 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 85.640.963.563 | 104.069.389.061 |
| 111 | 1. Tiền | | 31.240.963.563 | 8.169.389.061 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 54.400.000.000 | 95.900.000.000 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 22.194.543.500 | 10.000.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 13.694.543.500 | |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 8.500.000.000 | 10.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 242.679.862.970 | 219.057.214.490 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | 105.376.383.753 | 143.817.491.110 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 113.134.566.994 | 52.760.213.635 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 22.412.500.000 | 22.412.500.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 5 | 2.981.205.168 | 1.730.601.003 |
| 139 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (1.224.792.945) | (1.663.591.258) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 6 | 16.006.543.725 | 5.527.795.086 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 16.006.543.725 | 5.527.795.086 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 232.261.752 | 9.641.867.469 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 232.261.752 | 90.040.278 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | - | - |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 7 | - | 9.551.827.191 |
| 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | | - | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 705.678.365.947 | 755.020.442.745 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 44.825.000.000 | 61.634.375.000 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | | 44.825.000.000 | 61.634.375.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 153.124.440.987 | 180.384.389.038 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 137.849.188.307 | 164.519.797.269 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.500.116.021.801 | 1.497.541.742.824 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.362.266.833.494) | (1.333.021.945.555) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 9 | 15.275.252.680 | 15.864.591.769 |
| 228 | - Nguyên giá | | 22.411.162.640 | 22.411.162.640 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (7.135.909.960) | (6.546.570.871) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 8.050.185.321 | 9.152.204.670 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | | | |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 8.050.185.321 | 9.152.204.670 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 499.007.553.178 | 502.756.831.735 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 337.624.176.764 | 337.624.176.764 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 103.861.380.000 | 84.652.890.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 60.510.300.000 | 81.169.000.000 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (2.988.303.586) | (689.235.029) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 671.186.461 | 1.092.642.302 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 671.186.461 | 1.092.642.302 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.072.432.541.457 | 1.103.316.708.851 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/09/2024 | 01/01/2024 |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 50.987.264.433 | 84.073.631.999 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 50.887.264.433 | 84.073.631.999 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 8.495.619.686 | 2.529.484.086 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước | | - | 3.596.854.522 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 30.470.777.085 | 441.827.700 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 3.881.829.518 | 10.416.031.645 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả | 12 | - | 62.000.000 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 13 | 6.766.172.848 | 66.226.966.258 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 1.272.865.296 | 800.467.788 |
| 334 | 4. Vay và nợ dài hạn | | 100.000.000 | - |
| 335 | 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | - | - |
| 336 | 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | - | - |
| 337 | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | | - | - |
| 338 | 8. Doanh thu chưa thực hiện | | - | - |
| 339 | 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | - | - |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.021.445.277.024 | 1.019.243.076.852 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 14 | 1.021.445.277.024 | 1.019.243.076.852 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 635.000.000.000 | 635.000.000.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | - |
| 413 | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | | - | - |
| 414 | 4. Vốn khác của chủ sở hữu | | - | - |
| 415 | 5. Cổ phiếu quỹ | | - | - |
| 416 | 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - |
| 417 | 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | - |
| 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | | 302.057.614.951 | 302.057.614.951 |
| 419 | 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | | - | - |
| 420 | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | - | - |
| 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 84.387.662.073 | 82.185.461.901 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 59.049.636.773 | - |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 25.338.025.300 | 82.185.461.901 |
| 422 | 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.072.432.541.457 | 1.103.316.708.851 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2024

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 3 năm 2024 | Quý 3 năm 2023 | Lũy kế đến 30/09/2024 | Lũy kế đến 30/09/2023 |
|-------|--|-------------|-----------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16 | 139.408.307.760 | 31.973.315.678 | 267.435.029.646 | 189.540.240.719 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 139.408.307.760 | 31.973.315.678 | 267.435.029.646 | 189.540.240.719 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 17 | 41.365.297.765 | 27.914.460.247 | 120.859.655.378 | 85.803.983.524 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 98.043.009.995 | 4.058.855.431 | 146.575.374.268 | 103.736.257.195 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 18 | 18.062.710.357 | 3.603.177.482 | 37.330.851.624 | 33.317.894.651 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 19 | 207.099.968 | 181.697 | 2.317.094.440 | 181.697 |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | - | - | - | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | | | | |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 8.976.855.750 | 6.112.503.792 | 22.462.550.424 | 18.933.203.839 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 106.921.764.634 | 1.549.347.424 | 159.126.581.028 | 118.120.766.310 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 20 | 232.879.000 | 194.927.400 | 614.138.000 | 1.041.384.768 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 21 | 115.002.509 | 140.650.773 | 350.008.129 | 760.682.900 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 117.876.491 | 54.276.627 | 264.129.871 | 280.701.868 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 107.039.641.125 | 1.603.624.051 | 159.390.710.899 | 118.401.468.178 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2024

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 3 năm 2024 | Quý 3 năm 2023 | Lũy kế đến 30/09/2024 | Lũy kế đến 30/09/2023 |
|-------|--|-------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND | VND | VND |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | 18.201.615.825 | 20.724.810 | 26.688.510.727 | 18.760.324.282 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 88.838.025.300 | 1.582.899.241 | 132.702.200.172 | 99.641.143.896 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | | | |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | | | | |

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 29 tháng 10 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 30/09/2024 | 30/09/2023 |
|--|--|-------------|-------------------|------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 159.390.710.899 | 118.401.468.178 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định | | 29.813.244.536 | 29.803.036.165 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 1.860.270.244 | (292.376.088) |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | 49.855 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (35.013.629.856) | (33.317.894.651) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | - | - |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | | |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 156.050.595.823 | 114.594.283.459 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (20.691.314.800) | (80.572.013.294) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (10.478.748.639) | (4.764.803.694) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 85.896.146.889 | (11.023.700.696) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 279.234.367 | 1.243.985.778 |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | 13.694.543.500 | |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | - | - |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (7.933.471.372) | (35.118.246.773) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (2.453.820.000) | (2.419.431.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 214.363.165.768 | (18.059.926.220) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (67.989.343.486) | (54.566.381.004) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | 100.010.404 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (53.500.000.000) | |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của | | 71.809.375.000 | 78.809.375.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (19.208.490.000) | |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 9.891.000.000 | |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 16.569.467.220 | 33.434.634.701 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (42.427.991.266) | 57.777.639.101 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 100.000.000 | - |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | - | - |
| 35 | 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (190.463.600.000) | (95.242.050.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (190.363.600.000) | (95.242.050.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

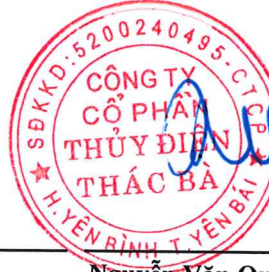
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 30/09/2024 | 30/09/2023 |
|-------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (18.428.425.498) | (55.524.337.119) |
| 60 | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | 104.069.389.061 | 90.424.695.231 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | | <u>85.640.963.563</u> | <u>34.900.358.112</u> |

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 29 tháng 10 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2024

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 635,000,000,000 đồng; tương đương 63,500,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu: 50,94%
- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a Chứng khoán kinh doanh

b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay

d Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

2.5 . Các khoản nợ phải thu

024
ÔNG
Ổ PH
ỦY
HÁC
BÌNH

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng tăng giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 09 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| - Tài sản cố định khác | 05 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 50 năm |

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính****2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

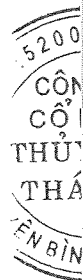
Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tăng giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/09/2024 | 01/01/2024 |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 63.244.591 | 22.903.489 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 31.177.718.972 | 8.146.485.572 |
| Các khoản tương đương tiền | 54.400.000.000 | 95.900.000.000 |
| | 85.640.963.563 | 104.069.389.061 |

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| a Chứng khoán kinh doanh | 30/09/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|----------------|----------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| - Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 13.694.543.500 | 17.003.250.000 | - | - |

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày cuối có giao dịch trong tháng 09 năm 2024, với giá trị là 13.500 VND/cổ phiếu.

| b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 30/09/2024 | | 01/01/2024 | |
|-----------------------------------|---------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| b1 Ngắn hạn | | | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 140 ngày và hưởng lãi suất 4,5%/năm.

| b2 Dài hạn | 30/09/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| - Đầu tư vào công ty con(**) | 337.624.176.764 | - | 337.624.176.764 | - |
| CTCP Thủy điện Mường Hum | 337.624.176.764 | - | 337.624.176.764 | - |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(***) | 100.873.076.414 | - | 83.963.654.971 | - |
| CTCP Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | 103.861.380.000 | - | 84.652.890.000 | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính TBC2 | (2.988.303.586) | - | (689.235.029) | - |
| - Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác(****) | 60.510.300.000 | 16.830.000.000 | 81.169.000.000 | 42.000.000.000 |
| CTCP Nhiệt điện Hải Phòng | 11.960.300.000 | 16.830.000.000 | 32.619.000.000 | 42.000.000.000 |
| CTCP Thủy điện Thái An | 48.550.000.000 | - | 48.550.000.000 | - |
| Tổng Cộng | 499.007.553.178 | 16.830.000.000 | 502.756.831.735 | 42.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

(**) Tại ngày 30/09/2024

- Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.889.270 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(***) Tại ngày 30/09/2024

- Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết tương ứng 10.386.138 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(***) Tại ngày 30/09/2024

- Công ty nắm giữ 1.100.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 09 năm 2024 là 13.500 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2023: 14.000 VND/cổ phiếu).

- Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5 PHẢI THU KHÁC**a Ngắn hạn**

| | 30/09/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia | - | - | 1.200.000.000 | - |
| Phải thu về lãi tiền gửi | 83.635.069 | - | 115.927.671 | - |
| Phải thu người lao động | 306.079.620 | - | 173.227.889 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 10.000.000 | - | - | - |
| Phải thu khác | 2.581.490.479 | - | 241.445.443 | - |
| | 2.981.205.168 | | 1.730.601.003 | |

b Dài hạn**6 . HÀNG TỒN KHO**

| | 30/09/2024 | | 01/01/2024 | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | - | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.101.339.134 | - | 3.418.264.405 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 489.044.266 | - | 396.007.144 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 5.416.160.325 | - | 1.713.523.537 | - |
| | 16.006.543.725 | | 5.527.795.086 | |

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 30/09/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 491.545.100 |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 3.644.238.909 |
| Thuế tài nguyên | - | 5.357.652.229 |
| Thuế Thu nhập Doanh nghiệp | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 58.390.953 |
| | - | 9.551.827.191 |

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
 Quý 3 năm 2024

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 658.503.404.896 | 810.850.613.140 | 20.611.661.097 | 7.458.609.146 | 117.454.545 | 1.497.541.742.824 |
| Mua sắm | - | 2.574.278.977 | - | - | - | 2.574.278.977 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | - | - | - | - |
| Tặng khác | - | - | - | - | - | - |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2024 | 658.503.404.896 | 813.424.892.117 | 20.611.661.097 | 7.458.609.146 | 117.454.545 | 1.500.116.021.801 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 577.074.799.571 | 734.668.893.300 | 16.020.095.170 | 5.151.499.543 | 106.657.971 | 1.333.021.945.555 |
| Trích khấu hao | 15.279.775.956 | 12.923.982.505 | 617.027.967 | 399.202.615 | 3.916.404 | 29.223.905.447 |
| Tặng khác | 20.982.492 | - | - | - | - | 20.982.492 |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2024 | 592.375.558.019 | 747.592.875.805 | 16.637.123.137 | 5.550.702.158 | 110.574.375 | 1.362.266.833.494 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 81.428.605.325 | 76.181.719.840 | 4.591.565.927 | 2.307.109.603 | 10.796.574 | 164.519.797.269 |
| Tại ngày 30/09/2024 | 66.127.846.877 | 65.832.016.312 | 3.974.537.960 | 1.907.906.988 | 6.880.170 | 137.849.188.307 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | TSCĐ vô hình khác VND | Cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 20.558.322.400 | 1.852.840.240 | 22.411.162.640 |
| Mua sắm | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| tăng khác | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2024 | 20.558.322.400 | 1.852.840.240 | 22.411.162.640 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 5.571.800.974 | 974.769.897 | 6.546.570.871 |
| Trích khấu hao | 308.364.912 | 280.974.177 | 589.339.089 |
| Tăng khác | - | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| tăng khác | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2024 | 5.880.165.886 | 1.255.744.074 | 7.135.909.960 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 14.986.521.426 | 878.070.343 | 15.864.591.769 |
| Tại ngày 30/09/2024 | 14.678.156.514 | 597.096.166 | 15.275.252.680 |

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

| | 30/09/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà | 7.521.585.335 | 6.311.024.101 |
| Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà | 195.222.208 | 2.507.802.791 |
| Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai tràn - NMTĐTB | 127.777.778 | 127.777.778 |
| Dự án thay mới hệ thống ác quy 220VDC - NMTĐTB | 26.400.000 | 26.400.000 |
| Dự án thay mới hệ thống rơ le bảo vệ đường dây 110 kV-NMTĐTB | 99.200.000 | 99.200.000 |
| Dự án thay mới máy nén khí cao áp N1, N2 - NMTĐTB | 51.200.000 | 51.200.000 |
| Dự án thay mới máy nén khí hạ áp N3, N4 - NMTĐTB | 28.800.000 | 28.800.000 |
| | 8.050.185.321 | 9.152.204.670 |

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2024 VND | Số phải nộp VND | Số đã thực nộp VND | 30/09/2024 VND |
|--|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế Giá trị gia tăng | (3.644.238.909) | 10.248.186.907 | 2.201.398.934 | 4.402.549.064 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 441.827.700 | 26.688.510.727 | 7.933.471.372 | 19.196.867.055 |
| Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | - | 3.640.313.791 | 2.238.238.500 | 1.402.075.291 |
| Thuế Tài nguyên nhân | (5.357.652.229) | 30.940.328.705 | 20.515.664.274 | 5.067.012.202 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | (491.545.100) | 2.305.589.947 | 1.411.771.374 | 402.273.473 |
| Các loại thuế khác | (58.390.953) | 714.957.467 | 656.566.514 | - |
| | (9.109.999.491) | 74.537.887.544 | 34.957.110.968 | 30.470.777.085 |

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 30/09/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| a Ngắn hạn | | |
| Chi phí phải trả khác | - | 62.000.000 |
| | - | 62.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

b Dài hạn**13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

| a Ngắn hạn | 30/09/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 218.691.749 | 63.692.091.749 |
| Phí dịch vụ Môi trường rừng | 5.836.248.000 | 2.225.064.276 |
| Phải trả, phải nộp khác | 711.233.099 | 309.810.233 |
| | 6.766.172.848 | 66.226.966.258 |

14 VAY

| | Ngày 31/12/2023 | Số phát sinh trong kỳ | | Ngày 30/09/2024 |
|--|--------------------|--|----------|---|
| | Giá trị VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND |
| Vay dài hạn | | | | |
| Vay dài hạn | - | 100.000.000 | - | 100.000.000 |
| Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau: | | | | |
| Ngân hàng | Ngày 30/09/2024 | Kỳ hạn trả gốc lãi | Lãi suất | Hình thức đảm bảo |
| Ngân hàng TMCP Shinhanbank | | | | |
| SHBVN/CM C/032023/H DTD/THAC BA-MAC | 100.000.000 | Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 06 tháng 09 năm 2031 | 6,18% | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án |
| Tổng | 100.000.000 | | | |

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

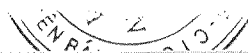
Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2024 | 635.000.000.000 | - | 302.057.614.951 | - | 82.185.461.901 | 1.019.243.076.852 |
| Tại ngày 01/01/2024 | 635.000.000.000 | - | 302.057.614.951 | - | 82.185.461.901 | 1.019.243.076.852 |
| Tăng vốn | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 132.702.200.172 | 132.702.200.172 |
| Lợi nhuận tăng trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - |
| Tăng khác (*) | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn | - | - | - | - | (3.500.000.000) | (3.500.000.000) |
| Phân phối các quỹ | - | - | - | - | (127.000.000.000) | (127.000.000.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | - | - | - |
| Điều chỉnh khác (*) | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/09/2024 | 635.000.000.000 | - | 302.057.614.951 | - | 84.387.662.073 | 1.021.445.277.024 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|--------------------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 136.707.757.700 | 234.790.808.448 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.700.550.060 | 32.644.221.198 |
| | 139.408.307.760 | 267.435.029.646 |
| | - | - |

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của điện thương phẩm đã bán | 38.907.322.905 | 93.111.241.043 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 2.457.974.860 | 27.748.414.335 |
| | 41.365.297.765 | 120.859.655.378 |
| | - | - |

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|------------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn | 1.772.394.788 | 5.937.363.807 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 16.033.562.000 | 27.827.484.600 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 256.753.569 | 3.566.003.217 |
| | 18.062.710.357 | 37.330.851.624 |
| | - | - |

19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|---|--------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | - | - |
| Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm | - | - |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | - |
| Chi phí tài chính khác | 2.094.518 | 18.153.211 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | - | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | - | - |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 205.132.778 | 2.299.068.557 |
| | 207.227.296 | 2.317.221.768 |
| | - | - |

20 . THU NHẬP KHÁC

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| - Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | - |
| - Các khoản khác | 232.879.000 | 614.138.000 |
| | 232.879.000 | 614.138.000 |
| | - | - |

21 . CHI PHÍ KHÁC

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|---|--------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| - Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | - |
| - Các khoản khác | 115.002.509 | 350.008.129 |
| | 115.002.509 | 350.008.129 |
| | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 258.714.500 | 25.117.601.367 |
| Chi phí nhân công | 8.774.825.001 | 27.853.769.506 |
| Chi phí khấu hao | 9.877.080.169 | 29.813.244.536 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 793.230.672 | 3.221.376.545 |
| Chi phí khác | 34.340.939.961 | 61.018.850.636 |
| | <u>54.044.790.303</u> | <u>147.024.842.590</u> |

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng | 198.491.165 | 619.413.409 |
| Chi phí nhân công | 3.284.875.250 | 9.845.716.750 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 636.566.530 | 1.909.699.606 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 498.335.642 | 1.232.595.467 |
| Chi phí khác bằng tiền | 4.358.587.163 | 8.855.125.192 |
| | <u>8.976.855.750</u> | <u>22.462.550.424</u> |

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Quý 3 năm 2024 | Lũy kế đến 30/09/2024 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | <u>18.201.615.825</u> | <u>26.688.510.727</u> |
| - Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>18.201.615.825</u> | <u>26.688.510.727</u> |

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 77% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Nội dung nghiệp vụ</u> | <u>Mối quan hệ</u> | <u>Quý 3/2024</u> | <u>Quý 3/2023</u> |
|--|----------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Doanh thu bán điện | Công ty mẹ của cổ đông lớn | 136.707.757.700 | 29.608.251.641 |
| | Cổ tức công bố | | 38.365.168.000 | - |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E | Cổ tức đã thanh toán | Công ty mẹ | 76.730.336.000 | - |
| | Cổ tức công bố | | 19.050.000.000 | - |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | Cổ tức đã thanh toán | Cổ đông lớn | 38.100.000.000 | - |
| | Thu hồi tiền cho vay | | 5.603.125.000 | 5.603.125.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | Lãi tiền cho vay | Công ty con | 1.284.113.442 | 1.677.406.764 |
| | Doanh thu khác | | 45.000.000 | 45.000.000 |
| | Doanh thu cung cấp dịch vụ | | - | - |
| | Cổ tức được chia | | 15.533.562.000 | - |
| | | | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | Công ty liên kết | 2.398.730.596 | 54.545.455 |
| | Doanh thu khác | | 316.753.569 | 60.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương | Doanh thu cung cấp dịch vụ | Công ty trong cùng tập đoàn | - | - |
| | Doanh thu khác | | - | - |
| Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý: | | | | |
| | | <u>Mối quan hệ</u> | <u>30/09/2024</u> | <u>01/01/2024</u> |
| | | | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | | 103.436.771.387 | 139.957.894.282 |
| Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | | Công ty mẹ của cổ đông lớn | 90.501.170.472 | 139.957.894.282 |
| Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương | | Công ty trong cùng tập đoàn | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | | Công ty liên kết | 12.935.600.915 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | 323.262.809 | 64.474.467 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | | Công ty con | 40.833.883 | 64.474.467 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 | | Công ty liên kết | 282.428.926 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | | | | |
| Công ty TNHH Năng lượng R.E.E | | Công ty mẹ | - | 38.365.168.000 |
| Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | | Cổ đông lớn | - | 19.050.000.000 |

Người mua trả tiền trước

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024

| | | | |
|--|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2 | Công ty liên kết | 283.090.950 | 3.596.854.522 |
| | <u>Mối quan hệ</u> | <u>30/09/2024</u> | <u>01/01/2024</u> |
| | | VND | VND |
| Phải thu về cho vay | | 67.237.500.000 | 84.046.875.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum | Công ty con | 67.237.500.000 | 84.046.875.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | - | - |
| - Cho vay dài hạn đến hạn trả | | 22.412.500.000 | 22.412.500.000 |
| - Cho vay dài hạn | | 44.825.000.000 | 61.634.375.000 |

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 3/2024 với Quý 3/2023

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2024 đạt 88.838.025.300 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2023 đạt 1.582.899.241 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 3/2024 so với Quý 3/2023 tăng 87.255.126.059 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 3/2024 so với cùng kỳ năm 2023 tăng 121.932.476.557 đồng là do:

(i) Doanh thu hoạt động điện tăng 107.099.506.059 đồng so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân do sản lượng điện thương phẩm Quý 3/2024 tăng 89,9 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2023 và giá bán điện bình quân Quý 3/2024 đạt 843 đ/kWh (giá điện bình quân cùng kỳ là 410 đ/kWh).

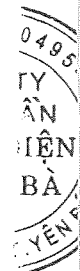
(ii) Doanh thu hoạt động dịch vụ kỹ thuật tăng 335.486.023 đồng (tăng 14%) so với cùng kỳ năm 2023 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật được nghiệm thu trong Quý 3/2024 lớn hơn so với cùng kỳ năm 2023.

(iii) Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 16.496.459.483 đồng (tăng 48%) so với cùng kỳ năm 2023 do trong Quý 3/2024 doanh thu từ cổ tức phát sinh là 16,03 tỷ đồng (MHP 6% VDL+TAH 2,5% VDL) cao hơn nhiều so với cùng kỳ Quý 3/2023 là 1,5 tỷ đồng (HND 5% VDL); lãi tiền gửi và cho vay trong Quý 3/2024 giảm 0,4 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 3/2023 do số dư nợ gốc và số dư tiền gửi giảm; trong Quý 3/2024 phát sinh doanh thu từ Phí bảo lãnh 256,7 triệu đồng .

(iv) Doanh thu khác Quý 3/2024 tăng 37.951.600 đồng (tăng 19%) so với cùng kỳ năm 2023.

- Tổng chi phí Quý 3/2024 so với cùng kỳ năm 2023 tăng 16.496.459.483 đồng (tăng 48%) so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 3/2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023 (do sản lượng Quý 3/2024 tăng 89,9 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2023).

- Thuế TNDN Quý 3/2024 so với cùng kỳ năm 2023 tăng 18.180.891.015 đồng so với cùng kỳ năm 2023. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 3/2024 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 3/2024 tăng là do thu nhập tính thuế TNDN theo quy định trong Quý 3/2024 tăng so cùng kỳ năm 2023.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 3 năm 2024



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 29 tháng 10 năm 2024

